

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 6 năm 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến

2. Bà Bùi Thị Thiềm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị P, sinh năm 1982 (Có mặt).

Nơi đăng ký HKTT: Thôn A, xã H, TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

Tạm trú tại: Số nhà 43, thôn 2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977 (Có mặt).

Trú tại: thôn Đ, xã D, huyện K, Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng TMCP X.

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Hoàng Quốc V – Phó giám đốc Phòng giao dịch B - Ngân hàng TMCP X – Chi nhánh Đắk Lắk.

Địa chỉ: đường Q, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1962

Trú tại: Buôn K1, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Phạm Thị P trình bày:

Bà P chung sống với ông Nguyễn Văn T trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu từ năm 2005. Đến ngày 20/12/2006 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình chung sống, vợ chồng bà chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Ông T là người gia trưởng, áp đặt mọi vấn đề trong gia đình, thường đánh đập vợ con vô cớ. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng trầm trọng, chính quyền địa phương cũng nhiều lần can thiệp nhưng không có kết quả. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 11/2019 cho đến nay. Nay bà P cảm thấy không còn tình cảm với ông T nên xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà P và ông T có 03 con chung là Nguyễn Văn M, sinh ngày 02/11/2006; Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh ngày 22/9/2008 và Nguyễn Văn P1, sinh ngày 04/7/2010.

Khi ly hôn bà P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà P và ông T có các tài sản chung như sau

- 01 Lô đất thổ cư diện tích 2.540m², tài sản trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4, lợp ngói, nền gạch hoa, trong vườn có trồng cà phê. Đất tọa lạc tại thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nguồn gốc đất được mẹ chồng là bà Trần Thị H tặng cho, đã được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- 01 Lô đất nông nghiệp diện tích 6.332m², đã trồng tiêu. Đất tọa lạc tại thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nguồn gốc đất được mẹ chồng là bà Trần Thị H tặng cho, đã được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- 01 xe máy nhãn hiệu Honda Future, biển kiểm soát 47L1-XXXXXX, giấy tờ xe mang tên ông Nguyễn Văn T, hiện do bà P đang sử dụng.

- Trước khi kết hôn ông T có 01 lô đất nông nghiệp là tài sản riêng, diện tích 11.680m², đất tọa lạc tại thôn D1, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 809282 vào ngày 12/02/2004 mang tên hộ Nguyễn Văn T. Nguồn gốc đất là của gia đình ông T mua trước khi kết hôn, sau đó chia cho ông T một nửa và anh trai ông T là ông Nguyễn Văn Thanh một để canh tác, nhưng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của toàn bộ lô đất trên để ông T đứng tên. Sau khi kết hôn bà P đã cùng ông T canh tác, cải tạo, trồng mới cà phê và tiêu trên phần đất ông T được chia (khoảng 5.840m²).

Về tài sản chung bà P có ý kiến như sau:

Bà P đề nghị chia cho bà P lô đất nông nghiệp diện tích 6.332m², đã trồng tiêu.

Chia cho ông T lô đất thổ cư diện tích 2.540m²;

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 47L1-XXXXX ông T đã giao cho bà P sử dụng, bà đề nghị Tòa án ghi nhận sự việc trên.

Đối với phần công sức đóng góp trên lô đất nông nghiệp có diện tích 5.670m² là tài sản riêng của ông T, bà yêu cầu ông T thanh toán cho bà 15.000.000đ tiền công sức đóng góp.

Về công nợ chung: Vào ngày 10/12/2018 bà P và ông T vay của Ngân hàng TMCP X – Chi nhánh Đắk Lắk – PGĐ B số tiền 210.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 9,9%, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn, lãi chậm trả: 10%/năm x số tiền lãi chậm trả x số ngày chậm trả lãi. Quá trình trả nợ ông bà đã trả được 132.000.000 đồng tiền gốc và một phần tiền lãi (bà P không nhớ rõ số tiền cụ thể). Hiện nay ông bà còn nợ ngân hàng tiền gốc 63.000.000 đồng và lãi phát sinh.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông T chung sống với bà Phạm Thị P trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu từ năm 2005, có tổ chức đám cưới. Đến ngày 20/12/2006 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình chung sống, vợ chồng ông bà có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc, kinh tế trong gia đình, trong lúc vợ chồng cãi vã bà P đã chửi bới, xúc phạm ông T nhiều lần, do nóng giận không kiềm chế được ông T có đánh bà P. Sự việc đã được chính quyền địa phương hòa giải, tuy nhiên sau đó vợ chồng ông bà lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 11/2019 cho đến nay. Nay bà P xin ly hôn, ông T không đồng ý ly hôn do ông vẫn còn tình cảm với bà P và muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái.

Về con chung: Ông T và bà P có 03 con chung là Nguyễn Văn M, sinh ngày 02/11/2006; Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh ngày 22/9/2008 và Nguyễn Văn P1, sinh ngày 04/7/2010.

Trường hợp phải ly hôn ông T đồng ý để bà P trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn M và Nguyễn Văn P1, ông T có nguyện vọng được tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Mỹ T1. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Ông T và bà P có các tài sản và công nợ như bà P đã trình bày là đúng. Ý kiến của ông T về việc phân chia tài sản và công nợ chung như sau:

Đối với 02 lô đất là tài sản chung (lô đất thổ cư diện tích 2.540m² và lô đất nông nghiệp diện tích 6.332m²) ông T đề nghị chia hết toàn bộ 02 lô đất trên cho ông T, ông T sẽ thanh toán bằng tiền cho bà P giá trị phần tài sản mà bà P được chia.

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 47L1-XXXXX ông T đã giao cho bà P được quyền sử hữu, sử dụng, ông không yêu cầu phân chia.

Đối với phần công sức đóng góp của bà P trên lô đất nông nghiệp có diện tích 5.670m² là tài sản riêng của ông T, ông T chấp nhận thanh toán cho bà P tiền công sức đóng góp số tiền 15.000.000^d.

Đối với công nợ chung: Ông T đồng ý đứng ra trả toàn bộ khoản nợ chung của ông bà với Ngân hàng TMCP X.

Đối với khoản nợ trước đây ông T khai có nợ ông Nguyễn Văn L là nợ của riêng ông T, ông T có trách nhiệm trả, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi liên quan Ngân hàng TMCP X trình bày tại Thông báo số 01/TB-BIDV-PGDBMT ngày 27/5/2020, Ngân hàng thông báo ông T, bà P là khách hàng vay vốn của Ngân hàng, hiện ông T, bà P còn nợ gốc là 63.000.000đ và tiền lãi là 5.280.497đ tính đến ngày 27/5/2020. Giấy chứng nhận QSD đất số X 809282 do UBND huyện K cấp ngày 12/2/2004 (tài sản thế chấp này là tài sản của riêng ông T). Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án ly hôn này.

- Tại biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông có cho ông T vay 02 tạ cà phê nhân, bà P vợ ông T không tham gia vay, ông L không có yêu cầu độc lập, ông đề nghị về số nợ này để ông và ông T tự giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình;

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56; 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

+ Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị P, cho bà P được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

+ Về con chung: Bà P và ông T có 03 con chung là Nguyễn Văn M, sinh ngày 02/11/2006; Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh ngày 22/9/2008 và Nguyễn Văn P1, sinh ngày 04/7/2010. Bà P có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung, ông T có nguyện vọng nuôi con **chung Nguyễn Thị Mỹ T1**. Xét ý kiến của con chung, quyền và lợi ích hợp pháp của các con chung của đương sự, cần giao cả ba con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Bà P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Chia cho bà Phạm Thị P được quyền quản lý, sử dụng lô đất diện tích 6.332m², thửa đất số 171, tờ bản đồ số 76. Đất tọa lạc tại thôn Đ, xã D,

huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM XXXXXX do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp cho bà Trần Thị H ngày 16/01/2018, đã tặng cho ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị P được đăng ký ngày 14/3/2018 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K. Tài sản trên đất: 155 Cây điều ghép trồng năm 2016, 235 trụ tiêu trồng năm 2016.

Toàn bộ đất và các cây trồng trên đất có trị giá 253.280.000đ.

* Chia cho ông Nguyễn Văn T được quyền sử hữu, sử dụng các tài sản sau:

Lô đất thổ cư diện tích 2.540m², thửa đất số 192, tờ bản đồ số 4. Đất tọa lạc tại thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM XXXXXX do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp cho bà Trần Thị H ngày 16/01/2018, đã tặng cho ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị P được đăng ký ngày 14/3/2018 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K.

- Cây trồng trên đất: 65 cây cà phê trồng năm 2018; 14 cây bơ trồng năm 2018; 01 cây vải trồng năm 2018.

Lô đất và toàn bộ các cây trồng trên đất được định giá theo giá thị trường là **228.600.000^d**.

- Công trình xây dựng trên đất: 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích 102m², giá trị còn lại 34.132.000^d và 01 hàng rào trị giá còn lại 1.564.000^d.

Bà P phải thanh toán chênh lệch về tài sản cho ông T.

+ Về nợ: Ngân hàng X và ông Nguyễn Văn L đã được thông báo về việc thụ lý vụ án, nhưng không có yêu cầu độc lập, không đề nghị giải quyết các khoản nợ này. Khi đương sự có đơn yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị Quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016, bà P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự tương đương với phần tài sản chung được chia, ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với tài sản được chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Phạm Thị P có đơn khởi kiện xin ly hôn ông Nguyễn Văn T và xin nuôi con, chia tài sản chung nên HĐXX xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn”. Bị đơn ông Nguyễn Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho người có quyền lợi liên quan: Ngân hàng X, ông Nguyễn Văn

L. Đại diện Ngân hàng và ông L đã có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn tại 20/12/2006 tại UBND xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Bà P cho rằng quá trình chung sống, bà và ông T thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông T có tính gia trưởng, hay đánh đập vợ con, sự việc xảy ra nhiều lần làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, không thể hàn gắn được, hai người đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Bà P đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông T.

Bị đơn ông T thừa nhận vợ chồng ông bà có xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã về tiền bạc, kinh tế trong gia đình, trong lúc cãi vã bà P đã chửi bới, xúc phạm ông T nhiều lần, do nóng giận không kiềm chế được ông T có đánh bà P, mâu thuẫn vợ chồng đã được chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần, tuy nhiên sau đó vợ chồng ông bà lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 11/2019 cho đến nay. Nay bà P xin ly hôn, ông T không đồng ý ly hôn vì ông vẫn còn tình cảm với bà P và muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà P, ông T thường xảy ra mâu thuẫn, xô xát đánh đập nhau, chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không T2, hiện hai người đã sống ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T đã xảy ra mâu thuẫn ở mức độ trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc kéo dài tình trạng hôn nhân sẽ không đem lại kết quả tốt cho các bên. Từ những nhận định trên, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị P, cho bà P được ly hôn ông T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] *Về con chung*: Bà P và ông T có 03 con chung là Nguyễn Văn M, sinh ngày 02/11/2006; Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh ngày 22/9/2008 và Nguyễn Văn P1, sinh ngày 04/7/2010. Bà P có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung, ông T có nguyện vọng nuôi con chung Nguyễn Thị Mỹ T1. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các con chung chưa thành niên, cháu T1 là con gái, cần có sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ hơn nên không giao cho ông T nuôi dưỡng là phù hợp. Xét yêu cầu nuôi con chung của ông T là chính đáng, cần giao một con chung Nguyễn Văn P1 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Giao các con chung Nguyễn Văn M và Nguyễn Thị Mỹ T1 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục.

Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, các đương sự có thể yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3] *Về tài sản chung*: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng bà P, ông T đã tạo lập được các tài sản sau:

1. Lô đất thổ cư diện tích 2.540m², thửa đất số 192, tờ bản đồ số 4. Đất tọa lạc tại thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đất có nguồn gốc bà Trần Thị H mẹ đẻ ông T tặng cho (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM XXXXXX do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp cho bà Trần Thị H ngày 16/01/2018 đã tặng cho ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị P, được đăng ký ngày 14/3/2018 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K, có tứ cận:

- + Phía đông giáp đất ông B dài 9m;
 - + Phía tây giáp đất ông A dài 35,8m;
 - + Phía nam giáp đất ông K dài 104m;
 - + Phía bắc giáp đất ông L1, đường gấp khúc dài 95m + 4m.
- Tài sản trên đất:
- + 65 cây cà phê trồng năm 2018;
 - + 14 cây bơ trồng năm 2018;
 - + 01 cây vải trồng năm 2018.

Lô đất và toàn bộ các cây trồng trên đất được định giá theo giá thị trường là **228.600.000^d**.

- Công trình xây dựng trên đất: 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích 102m², tường gạch 10cm có tô, nền lát gạch ceramic (60x60) cm xây dựng năm 2011, giá trị công trình còn lại 34.132.000^d;

+ 01 hàng rào xây gạch dài 22,5m., trụ gạch 30x20cm, khung gỗ trị giá còn lại 1.564.000^d.

2. Lô đất nông nghiệp diện tích 6.332m², thửa đất số 171, tờ bản đồ số 76, tọa lạc tại thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM XXXXXX do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp cho bà Trần Thị H ngày 16/01/2018, đã tặng cho ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị P, được đăng ký ngày 14/3/2018 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K, có tứ cận:

- + Phía đông giáp đất ông C dài 15m;
- + Phía tây giáp đất ông T2 dài 23m;
- + Phía nam giáp đất ông H dài 50m, giáp suối dài 38m + 50m;
- + Phía bắc giáp đất ông C dài 31m + 60m; giáp đất ông H1 dài 70m.

Tài sản trên đất:

- + 155 Cây điều ghép trồng năm 2016, 235 trụ tiêu trồng năm 2016

Toàn bộ đất và các cây trồng trên đất được định giá theo giá trị trường có trị giá 253.280.000^d.

Như vậy, tổng giá trị tài sản chung của bà P ông T trong thời kỳ hôn nhân là 517.576.000^d.

Xét yêu cầu của các đương sự về phân chia tài sản chung thấy rằng: Về nguồn gốc hình thành các tài sản chung của vợ chồng ông T, bà P là các lô đất có nguồn gốc do bà Trần Thị H, là mẹ đẻ ông T tặng cho vợ chồng ông T, bà P nên ông T được xem là người có công sức đóng góp nhiều hơn trong khối tài sản chung này, cần chia cho ông T 60% trị giá tài sản là 289.128.000^d, chia cho bà P 40% trị giá tài sản là 192.752.000^d. Đối với căn nhà và công trình xây dựng do vợ chồng tạo lập nên chia cho mỗi bên 50% giá trị tài sản là 17.848.000^d.

Về phần công sức đóng góp của bà P chăm sóc lô cà phê diện tích 5.670m² (là tài sản riêng của ông T), đất tọa lạc tại thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nằm trong lô đất 11.680m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 809282 vào ngày 12/02/2004 mang tên hộ Nguyễn Văn T, ông T có trách nhiệm thanh toán cho bà P 15.000.000^d.

Như vậy tổng giá trị tài sản bà P được chia và phần công sức đóng góp về tài sản do ông T trả là: $[192.752.000đ + 17.848.000đ + 15.000.000đ] = 225.600.000đ$.

Tổng giá trị tài sản ông T được chia và tiền thanh toán công sức đóng góp cho bà P là: $\{289.128.000đ + 17.848.000đ - 15.000.000đ\} = 291.976.000đ$.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn, thực tế tình hình tài sản chung của các đương sự đều có thể chia bằng hiện vật, cần chia cho các đương sự phần tài sản cụ thể sau:

*Chia cho bà Phạm Thị P được quyền quản lý, sử dụng lô đất diện tích 6.332m², thửa đất số 171, tờ bản đồ số 76. Đất tọa lạc tại thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM XXXXXX do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp cho bà Trần Thị H ngày 16/01/2018, đã tặng cho ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị P được đăng ký ngày 14/3/2018 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K, có tứ cận:

- + Phía đông giáp đất ông C dài 15m;
- + Phía tây giáp đất ông T2 dài 23m;
- + Phía nam giáp đất ông H dài 50m, giáp suối dài 38m + 50m;
- + Phía bắc giáp đất ông C dài 31m + 60m; giáp đất ông H1 dài 70m

Tài sản trên đất:

- + 155 Cây điều ghép trồng năm 2016, 235 trụ tiêu trồng năm 2016.

Toàn bộ đất và các cây trồng trên đất có trị giá 253.280.000^d.

* Chia cho ông Nguyễn Văn T được quyền sử hữu, sử dụng các tài sản sau:

- Lô đất thổ cư diện tích 2.540m², thửa đất số 192, tờ bản đồ số 4. Đất tọa lạc tại thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM XXXXXX do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp cho bà Trần Thị H ngày 16/01/2018 đã tặng cho ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị P được đăng ký ngày 14/3/2018 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K, có tứ cận:

- + Phía đông giáp đất ông B dài 9m;
- + Phía tây giáp đất ông A dài 35,8m;
- + Phía nam giáp đất ông K dài 104m;
- + Phía bắc giáp đất ông L1, đường gấp khúc dài 95m + 4m.

- Tài sản trên đất:

- + 65 cây cà phê trồng năm 2018;
- + 14 cây bơ trồng năm 2018;
- + 01 cây vải trồng năm 2018.

Lô đất và toàn bộ các cây trồng trên đất được định giá có trị giá là **228.600.000^d**

Công trình xây dựng trên đất:

+ 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích 102m², tường gạch 10cm có tô, nền lát gạch ceramic 60x60cm xây dựng năm 2011, trị giá xây dựng còn lại 34.132.000^d;

+ 01 hàng rào xây gạch dài 22,5m, trụ gạch 30 x 20cm, khung gỗ trị giá còn lại 1.564.000đ.

Tổng cộng giá trị đất và tài sản trên đất: 264.296.000^d.

Bà P, ông T có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

* Về thanh toán tiền chênh lệch khi chia tài sản: Bà P được nhận tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần giá trị tài sản được chia nên phải thanh toán chênh lệch tài sản cho ông T số tiền là $[253.280.000^d - 225.600.000^d] = 27.680.000^d$.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, biển số 47L1-XXXXX các đương sự đã tự thỏa thuận giao cho bà P được quyền sở hữu chiếc xe trên, không yêu cầu Tòa án phân chia. Ông T đã giao xe và giấy đăng ký xe cho bà P quản lý, sử dụng nên cần ghi nhận.

- Về nợ: Quá trình giải quyết vụ án bà P và ông T đều xác định có nợ của Ngân hàng TMCP X (Chi nhánh Đắk Lắk – Phòng giao dịch B). Ngân hàng đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không có yêu cầu độc lập. Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng có Thông báo số 01/TB-BIDV-PGDBMT ngày 27/5/2020 hiện ông T, bà P còn nợ gốc là 63.000.000^d và tiền lãi là 5.280.497^d tính đến ngày 27/5/2020. Giấy chứng nhận QSD đất số X 809282 do UBND huyện K cấp ngày 12/2/2004, tài sản thế chấp này là tài sản của riêng ông T). Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án ly hôn này. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết khoản nợ này, khi đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Đối với khoản nợ 02 tạ cà phê nhân ông T vay của ông Nguyễn Văn L, ông T xác định là khoản nợ ông vay riêng, ông chịu trách nhiệm trả cho ông L. Người có quyền lợi liên quan ông L không có yêu cầu độc lập, ông đề nghị để ông và ông T tự giải quyết, do vậy Tòa án không đề cập giải quyết trong vụ án này. Khi đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

[5.1] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Văn T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 3.000.000đ, mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ bằng 1.500.000đ. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng 3.000.000đ bà P đã nộp. Ông T phải thanh toán cho bà P 1.500.000đ. Bà P được nhận lại 1.500.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản sau khi Chi cục Thi hành án dân sự thu được tiền của ông T.

[5.2] Về án phí: Bà Phạm Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương đương với phần tài sản mình được chia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 33, khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điểm a, c, d khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P.

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Văn T.

2. *Về con chung:* Giao các con chung Nguyễn Văn M, sinh ngày 02/11/2006 và Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh ngày 22/9/2008 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Giao con chung Nguyễn Văn P1, sinh ngày 04/7/2010 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung chưa thành niên, các đương sự có thể yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung:*

- Chia cho bà Phạm Thị P được quyền quản lý, sử dụng tài sản sau:

Lô đất diện tích 6.332m², thửa đất số 171, tờ bản đồ số 76. Đất tọa lạc tại thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM XXXXXX do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp cho bà Trần Thị H ngày 16/01/2018, đã tặng cho ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị P, được đăng ký ngày 14/3/2018 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K.

- Có tứ cận như sau:

+ Phía đông giáp đất ông C dài 15m;

+ Phía tây giáp đất ông T2 dài 23m;

+ Phía nam giáp đất ông H dài 50m, giáp suối dài 38m + 50m;

+ Phía bắc giáp đất ông C dài 31m + 60m; giáp đất ông H1 dài 70m

Tài sản trên đất:

+ 155 Cây điều ghép trồng năm 2016, 235 trụ tiêu trồng năm 2016

Toàn bộ đất và các cây trồng trên đất có trị giá 253.280.000đ.

- Chia cho ông Nguyễn Văn T được quyền sử hữu, sử dụng các tài sản sau:

Lô đất thổ cư diện tích 2.540m², thửa đất số 192, tờ bản đồ số 4. Đất tọa lạc tại thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM XXXXXX do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp cho bà Trần Thị H ngày 16/01/2018 đã tặng cho ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị P, được đăng ký ngày 14/3/2018 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K, có tứ cận:

+ Phía đông giáp đất ông B dài 9m;

+ Phía tây giáp đất ông A dài 35,8m;

+ Phía nam giáp đất ông K dài 104m;

+ Phía bắc giáp đất ông L1, đường gấp khúc dài 95m + 4m.

- Tài sản trên đất:

+ 65 cây cà phê trồng năm 2018.

+ 14 cây bơ trồng năm 2018.

+ 01 cây vải trồng năm 2018.

Lô đất và toàn bộ các cây trồng trên đất được định giá là 228.600.000đ

Công trình xây dựng trên đất:

+ 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích 102m², tường gạch 10cm có tô, nền lát gạch ceramic (60cm x 60cm) xây dựng năm 2011, trị giá xây dựng còn lại 34.132.000đ;

+ Hàng rào xây gạch dài 22,5m, trụ gạch 30x20cm, khung gỗ trị giá còn lại 1.564.000đ.

Bà P, ông T có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Bà Phạm Thị P phải thanh toán số tiền chênh lệch về tài sản cho ông Nguyễn Văn T là 27.680.000đ (*Hai mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận ông Nguyễn Văn T giao chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future biển số 47L1-XXXXX và giấy đăng ký mô tô xe máy cho bà P được quyền sử hữu.

4. Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Văn T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.000.000đ, mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ bằng 1.500.000đ. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng 3.000.000đ bà P đã nộp và chi phí xong. Ông T phải trả cho bà P 1.500.000đ. Bà P

được nhận lại 1.500.000đ sau khi Chi cục Thi hành án dân sự thu được tiền của ông T.

- Về án phí: Bà Phạm Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm là 11.280.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 4.800.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, biên lai số 3668 ngày 17 tháng 12 năm 2019. Bà P còn phải nộp 6.780.000^d (*Sáu triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*).

Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.598.800^d (*Mười bốn triệu năm trăm chín mươi tám nghìn tám trăm đồng*).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên